HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50 /2026/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo;

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 13627/TTr-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 337/BC-BDT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

b) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, thiếu nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.

c) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

d) Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Nghị quyết.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc sắp xếp, bố trí ổn định dân cư phải thực hiện theo kế hoạch hoặc phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp về quy hoạch đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan trên địa bàn tỉnh. Địa bàn bố trí, ổn định dân cư tập trung hoặc xen ghép phải đảm bảo kết cấu hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất để người dân đến nơi ở mới có điều kiện tốt hơn nơi ở cũ và ổn định lâu dài.

2. Bố trí, ổn định dân cư phải phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt và sản xuất của người dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Ưu tiên bố trí ổn định dân cư nơi có nguy cơ cao về thiên tai được bố trí thực hiện trước nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; vùng biên giới, hải đảo; vùng đặc biệt khó khăn; vùng di cư tự do đến đời sống còn khó khăn, dân cư sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng.

4. Trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với cùng nội dung, cùng đối tượng thì đối tượng đó được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

5. Việc hỗ trợ phải đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng định mức quy định và đúng đối tượng của chương trình.

Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân, bao gồm: di chuyển người và tài sản, nhà ở, lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư.

a) Hỗ trợ di dời nhà ở: Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ cho đối tượng tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ kinh phí di chuyển cho đối tượng tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Mức hỗ trợ được xác định trên cơ sở điều kiện thực tế khi lập dự án.

c) Hỗ trợ xây dựng nhà ở: Mức hỗ trợ 60.000.000 đồng/hộ cho đối tượng tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

d) Hỗ trợ lương thực cho đối tượng tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này trong thời gian 6 tháng đầu tại nơi tái định cư: Mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/tháng.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng trên địa bàn xã, phường, đặc khu (gọi tắt là cấp xã) không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển, được cấp có thẩm quyền phê duyệt bố trí ổn định tại chỗ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác. Mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng/hộ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 206/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sáp nhập) quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện sắp xếp ổn định dân cư thuộc Chương trình bố trí dân

cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030.

c) Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) quy định mức hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư theo hình thức tái định cư tập trung hoặc xen ghép đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa XI, Kỳ họp thứ 6 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Chính phủ, Quốc hội;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục KTVB & TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khoá XI;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT - XH cấp tỉnh;
- TT. HĐND và UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ và Dịch vụ việc làm tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Lưu Văn Trung